

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HN  
TỈNH BÐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÐ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Á
2. Bà Trương Thị Diện

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trường Minh Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 284/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà PhanThị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố SK, phường HN, thị xã HN, tỉnh BÐ.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố SK, phường HN, thị xã HN, tỉnh BÐ.

*(Bà H có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà PhanThị H trình bày:*

Bà và ông T tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường HX ngày 02/6/1996. Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình bên chồng, trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp, ông T mỗi lần uống rượu về thường hay chửi bới xúc phạm đến bà, sống không có trách nhiệm với vợ con, bà đã nhiều lần khuyên can nhưng vẫn không thay đổi. Vì không chịu đựng được nên bà phải bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 4/2020 cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau không ai quan tâm gì đến ai. Nay bà thấy vợ chồng sống không hạnh phúc, không thể sống chung với nhau được nữa, bà yêu cầu được ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là anh Mai Phan Toàn Q, sinh năm 1997 đã thành niên và cháu Mai Phan Ngọc N, sinh ngày 15/9/2003, sau ly hôn bà yêu cầu giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng như hiện tại và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn:*

Ông Mai Văn T đã được Tòa án triệu tập và thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn ông T. Giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và án phí của người cấp dưỡng nuôi con bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1] Đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông T có địa chỉ tại khu phố SK, phường HN, thị xã HN, tỉnh BD. Do đó Tòa án nhân dân thị xã HN thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

### **Về nội dung:**

[1] Bà H và ông T tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Hoài Xuân ngày 02/6/1996 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường hay cãi vã, rồi bà H tự bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 4/2020 và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, không ai quan tâm gì đến ai, làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn ông T là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Bà H và ông T có 02 con chung là anh Mai Phan Toàn Q, sinh năm 1997 đã thành niên và cháu Mai Phan Ngọc N, sinh ngày 15/9/2003. Cháu N có nguyện vọng là mong muốn được ở với ông T như từ bấy lâu nay để có cuộc sống được ổn định hơn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giải quyết giao cháu N ông T trực tiếp nuôi dưỡng và bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Nhi đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình và 300.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (tổng cộng 600.000đ) sung vào ngân sách nhà nước là đúng với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Điều Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà PhanThị H và ông Mai Văn T được ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Anh Mai Phan Toàn Q, sinh năm 1997 đã thành niên. Giao cháu Mai Phan Ngọc Nhi, sinh ngày 15/9/2003 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Bà H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà PhanThị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình và 300.000đ án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con (Tổng cộng 600.000đ) sung vào ngân sách nhà nước.

Bà H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000190 ngày 05/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN được tính trừ, còn lại bà H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại Ủy ban nhân dân phường HN, để Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã HN;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Vinh**

